

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026-2027
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 12 và 13

Thời gian áp dụng: Từ ngày 26/10/2026 đến 05/12/2026
Buổi sáng: Tiết 1,2,3,4 bắt đầu từ 8h00; Buổi chiều: Tiết 5,6,7,8 bắt đầu từ 13h00

Lớp	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.QTKD	S	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp (3) ThS. Trương Mỹ Linh	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp (3) ThS. Trương Mỹ Linh	Kiểm toán căn bản (3) ThS. Hoàng Văn Khoa	Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuần		
	C			Kiểm toán căn bản (3) ThS. Hoàng Văn Khoa	Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuần		
13D.QTKD	S	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp (3) ThS. Trương Mỹ Linh	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp (3) ThS. Trương Mỹ Linh	Kiểm toán căn bản (3) ThS. Hoàng Văn Khoa	Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuần		
	C			Kiểm toán căn bản (3) ThS. Hoàng Văn Khoa	Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuần		

Ghi chú: 1. Lịch học có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện, liên hệ Phòng QLĐT để biết thông tin chi tiết.
2. Thời gian tiết học:
Tiết 1: 8h00-8h50; Tiết 2: 8h50-9h40; Tiết 3: 9h50-10h40; Tiết 4: 10h40-11h30
Tiết 5: 13h00-13h50; Tiết 6: 13h50-14h40; Tiết 7: 14h50-15h40; Tiết 8: 15h40-16h30



THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026-2027
NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN - KHÓA 12 và 13

Thời gian áp dụng: Từ ngày 26/10/2026 đến 05/12/2026

Buổi sáng: Tiết 1,2,3,4 bắt đầu từ 8h00; Buổi chiều: Tiết 5,6,7,8 bắt đầu từ 13h00

Lớp	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.KT	S		Lý thuyết kiểm toán (2) ThS. Hoàng Văn Khoa (Kết thúc 17/11)			Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuận	Thuế (2) ThS. Đỗ Thị Hương (Kết thúc 21/11)
			A201			A201	A201
	C		Lý thuyết kiểm toán (2) ThS. Hoàng Văn Khoa (Kết thúc 17/11)			Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuận	Thuế (2) ThS. Đỗ Thị Hương (Kết thúc 21/11)
			A201			A201	A201
13D.KT	S		Lý thuyết kiểm toán (2) ThS. Hoàng Văn Khoa (Kết thúc 17/11)			Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuận	Thuế (2) ThS. Đỗ Thị Hương (Kết thúc 21/11)
			A201			A201	A201
	C		Lý thuyết kiểm toán (2) ThS. Hoàng Văn Khoa (Kết thúc 17/11)			Tiếng Trung căn bản 2 (3) ThS. Nguyễn Thị Thúy Thuận	Thuế (2) ThS. Đỗ Thị Hương (Kết thúc 21/11)
			A201			A201	A201

Ghi chú: 1. Lịch học có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện, liên hệ Phòng QLĐT để biết thông tin chi tiết.

2. Thời gian tiết học:

Tiết 1: 8h00-8h50; Tiết 2: 8h50-9h40; Tiết 3: 9h50-10h40; Tiết 4: 10h40-11h30

Tiết 5: 13h00-13h50; Tiết 6: 13h50-14h40; Tiết 7: 14h50-15h40; Tiết 8: 15h40-16h30

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

KINH BẮC

BỘ

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026-2027
NGÀNH ĐÀO TẠO: Y KHOA - KHÓA 11

Thời gian áp dụng: Từ ngày 26/10/2026 đến 04/12/2026
Buổi sáng: Tiết 1,2,3,4 bắt đầu từ 8h00; Buổi chiều: Tiết 5,6,7,8 bắt đầu từ 13h00

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2 (07/9)	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
11D.YK01+02	8-13	S+C	Thực tập lâm sàng Ngoại bệnh lý 2	Thực tập lâm sàng Ngoại bệnh lý 2	Thực tập lâm sàng Ngoại bệnh lý 2	Thực tập lâm sàng Ngoại bệnh lý 2	Thực tập lâm sàng Ngoại bệnh lý 2	
			BVĐK Bắc Ninh số 1	BVĐK Bắc Ninh số 1	BVĐK Bắc Ninh số 1	BVĐK Bắc Ninh số 1	BVĐK Bắc Ninh số 1	

Ghi chú: 1. Thực tập lâm sàng theo Kế hoạch thực tập. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ Phòng QLĐT để được hướng dẫn

2. Thời gian tiết học:

Tiết 1: 8h00-8h50; Tiết 2: 8h50-9h40; Tiết 3: 9h50-10h40; Tiết 4: 10h40-11h30

Tiết 5: 13h00-13h50; Tiết 6: 13h50-14h40; Tiết 7: 14h50-15h40; Tiết 8: 15h40-16h30

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC

PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026-2027
NGÀNH ĐÀO TẠO: Y KHOA - KHÓA 12

Thời gian áp dụng: Từ ngày 26/10/2026 đến 22/11/2026
Buổi sáng: Tiết 1, 2, 3, 4 bắt đầu từ 8h00; Buổi chiều: Tiết 5, 6, 7, 8 bắt đầu từ 13h00

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.YK01+03	8 (26/10-01/11)	S		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Nguyễn Thị Hương Liên	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Vũ Xuân Diệu
		C		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	B203	B203
	8 (26/10-01/11)	S		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Việt An	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Hữu Nhượng
		C		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	B202	B202
12D.YK01+03	9 (02/11-08/11)	S		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Việt An	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Hữu Nhượng
		C		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS.GVC. Hoàng Thị Thúy	B203	B203
	9 (02/11-08/11)	S		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Việt An	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) TS. Lê Hữu Nhượng
		C		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Trưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	B202	B202



Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.YK02	9 (02/11-09/11)	S		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Nguyễn Thị Hương Liên	
		C		Tiếng Anh chuyên ngành 1 (4;4;0) ThS. Nguyễn Đỗ Thu Hoài	Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương	B202	Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Nguyễn Thị Hương Liên	
				B202	A204	B202	B202	
Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.YK01+03	10 (09/11-15/11)	S			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
		C			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
					A204			
12D.YK02	10 (09/11-15/11)	S			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Vũ Xuân Diệu
		C			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			B202
					A204			Nội bệnh lý 2 (4;2;2) ThS. Vũ Xuân Diệu
Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.YK01+03	11 (16/11-22/11)	S			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
		C			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
					A204			

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
12D.VK02	11 (16/11- 22/11)	S			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
					A204			
		C			Tư tưởng HCM (2;2;0) ThS. Nguyễn T.M. Phương			
					A204			

Ghi chú: 1. Lịch học có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện, liên hệ Phòng QLĐT để biết thông tin chi tiết.

2. Thời gian tiết học:

Tiết 1: 8h00-8h50; Tiết 2: 8h50-9h40; Tiết 3: 9h50-10h40; Tiết 4: 10h40-11h30

Tiết 5: 13h00-13h50; Tiết 6: 13h50-14h40; Tiết 7: 14h50-15h40; Tiết 8: 15h40-16h30



THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026-2027
NGÀNH ĐÀO TẠO: Y KHOA - KHÓA 13

Thời gian áp dụng: Từ ngày 26/10/2026 đến 13/12/2026
Buổi sáng: Tiết 1,2,3,4 bắt đầu từ 8h00; Buổi chiều: Tiết 5,6,7,8 bắt đầu từ 13h00

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	8 (26/10-01/11)	S			Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thiệu và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	
		C			Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thiệu và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	
13D.YK03	8 (26/10-01/11)	S					Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thiệu và cộng sự
		C					Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thiệu và cộng sự
13D.YK04+05	8 (26/10-01/11)	S					Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính
		C					Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601
							A304	A304
							A601	A601
							A304	A304
							A603	A603
							A601	A601

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	9 (02/11-08/11)	S			Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	
					A601	A304	A601	
		C			Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	
13D.YK03	9 (02/11-08/11)	S			A601	A304	A601	
							Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
		C					A603	A304
13D.YK04+05	9 (02/11-08/11)	S					Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
							A603	A304
		C				Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính
13D.YK04+05	9 (02/11-08/11)	S					A601	A601
							A304	
		C				Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính
13D.YK04+05	9 (02/11-08/11)	S					A601	A601
							A304	
		C				Một sức khỏe (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	10 (09/11-15/11)	S		Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự		
				A601	A601	A304		
		C		Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự		
13D.YK03	10 (09/11-15/11)	S		A601	A601	A304		
						Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự
		C				A601	A601	A304
13D.YK04+05	10 (09/11-15/11)					Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự
		S				A601	A601	A304
						Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng
13D.YK04+05	10 (09/11-15/11)	C				A603	A304	A603
						Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng
						A603	A304	A603

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	11 (16/11-22/11)	S		Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự		
			A601	A601	A601	A304		
		C		Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự		
			A601	A601	A601	A304		
13D.YK03	11 (16/11-22/11)	S				Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự
						A601	A601	A304
		C				Truyền thông và giáo dục sức khỏe (1;1;0) TS. Nguyễn Quang Chính	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự
						A601	A601	A304
13D.YK04+05	11 (16/11-22/11)	S				Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng
						A603	A304	A603
		C				Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng
						A603	A304	A603

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	12 (23/11-29/11)	S				Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự		
		C			Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	A304		
					A304	A304		
13D.YK03	12 (23/11-29/11)	S				Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
		C				A603	A603	A304
						Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Dịch tễ học (1;1;0) PGS.TS. Chu Văn Thắng	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
13D.YK04+05	12 (23/11-29/11)	S						Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
		C						Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
								A303



Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	13 (30/11- 06/12)	S			Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự			Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
					A304			A304
		C			Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự			Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
13D.YK03	13 (30/11- 06/12)				A304			A304
		S		Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự				
				A304				
13D.YK04+05	13 (30/11- 06/12)	C		Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự				Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
				A304				A303
		S					Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự
							A304	A303
		C					Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thúy và cộng sự	
							A304	

Lớp	Tuần	Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
13D.YK01+02	14 (07/12-13/12)	S						
		C						
13D.YK03	14 (07/12-13/12)	S	Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự					
		C	A304 Thực hành y khoa 2 (2;0;2) TS. Thủy và cộng sự					
13D.YK04+05	14 (07/12-13/12)	S	A304					
		C						

Ghi chú: 1. Lịch học có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện, liên hệ Phòng QLĐT để biết thông tin chi tiết.

2. Thời gian tiết học:

Tiết 1: 8h00-8h50; Tiết 2: 8h50-9h40; Tiết 3: 9h50-10h40; Tiết 4: 10h40-11h30

Tiết 5: 13h00-13h50; Tiết 6: 13h50-14h40; Tiết 7: 14h50-15h40; Tiết 8: 15h40-16h30

